

Số: 1398 /QĐ-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét báo cáo đánh giá ngày 31/3/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT cho 46 sản phẩm với số HQ.25.01474 của Công ty TNHH DSM Nutritional Products Việt Nam, địa chỉ: Số 9 VSIP II-A, Đường số 14, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Danh mục sản phẩm, Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực 2 năm từ ngày ký. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty TNHH DSM Nutritional Products Việt Nam được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH DSM Nutritional Products Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT tỉnh Bình Dương;
- Giám đốc Trung tâm (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yến

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1.	AV2 FORMULA	Số 9 VSIP II-A, Đường số 14, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	HQ.25.01474-1	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
2.	SCV7300 FORMULA - NO ANTIOX		HQ.25.01474-2	
3.	PANGA FISH 1 PREMIX - NO ANTIOX		HQ.25.01474-3	
4.	BASA FISH PREMIX (SUPER) - NO ANTIOX		HQ.25.01474-4	
5.	PANGA FISH 2 PREMIX - NO ANTIOX		HQ.25.01474-5	
6.	VITAMIN VD631 - NO ANTIOX		HQ.25.01474-6	
7.	TLA FISH PREMIX - NO ANTIOX		HQ.25.01474-7	
8.	ROVIMIX 2030 - NO ANTIOX		HQ.25.01474-8	
9.	HH FISH		HQ.25.01474-9	
10.	PILMICO FISH PREMIX		HQ.25.01474-10	
11.	AM2 FORMULA		HQ.25.01474-11	



12.	FISH PREMIX - NO ANTIOX	Số 9 VSIP II-A, Đường số 14, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	HQ.25.01474-12	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
13.	TILAPIA PREMIX - MIX CA		HQ.25.01474-13	
14.	ST SHRIMP PREMIX - NO ANTIOX		HQ.25.01474-14	
15.	PREMIX SMT01		HQ.25.01474-15	
16.	FISH PREMIX		HQ.25.01474-16	
17.	AQUA C 30		HQ.25.01474-17	
18.	CAROPHYLL PINK 1% PREMIX - NO ANTIOX		HQ.25.01474-18	
19.	DAS PREMIX		HQ.25.01474-19	
20.	DCANI PREMIX		HQ.25.01474-20	
21.	FCV5100 FORMULA - NO ANTIOX		HQ.25.01474-21	
22.	FCV5200 FORMULA - NO ANTIOX		HQ.25.01474-22	
23.	SCV7100 FORMULA - NO ANTIOX		HQ.25.01474-23	
24.	CM500 FORMULA		HQ.25.01474-24	
25.	CM700 FORMULA		HQ.25.01474-25	
26.	TW SHRIMP VITAMIN		HQ.25.01474-26	



27.	SHRIMP VITAMIX	Số 9 VSIP II-A, Đường số 14, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	HQ.25.01474-27	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
28.	PREMIX BA 193C		HQ.25.01474-28	
29.	FISH VITAMIX		HQ.25.01474-29	
30.	FISH MINEMIX		HQ.25.01474-30	
31.	SHRIMP MINEMIX		HQ.25.01474-31	
32.	TW SHRIMP MINERAL		HQ.25.01474-32	
33.	CAROPHYLL YELLOW 1% PREMIX		HQ.25.01474-33	
34.	CAROPHYLL RED 1% PREMIX		HQ.25.01474-34	
35.	RV 191 OLM		HQ.25.01474-35	
36.	PREMIX AQUA 0.5%		HQ.25.01474-36	
37.	BSA FISH PREMIX - HIGH - NO ANTIOX		HQ.25.01474-37	
38.	PREMIX BA 192		HQ.25.01474-38	
39.	FISH PREMIX HCG		HQ.25.01474-39	
40.	SHRIMP MINERAL HCG		HQ.25.01474-40	



41.	PREMIX BA 191	Số 9 VSIP II-A, Đường số 14, KCN Việt Nam - Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	HQ.25.01474-41	QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT
42.	BA 191V VNA		HQ.25.01474-42	
43.	BA 191M VNA		HQ.25.01474-43	
44.	PREMIX BA 193 CPV		HQ.25.01474-44	
45.	ROVIMAX HB Ultra		HQ.25.01474-45	
46.	ROVIMIX HyACE		HQ.25.01474-46	

